
CÁC YÊU CẦU KỸ THUẬT CHUNG

I. Yêu cầu về cung cấp tài liệu kỹ thuật trong hồ sơ dự thầu:

Trong Hồ sơ dự thầu, nhà thầu phải cung cấp đầy đủ các tài liệu sau đây:

1. Bảng tóm tắt các thông số kỹ thuật theo mẫu quy định trong hồ sơ mời thầu.
2. Cataloge của nhà sản xuất về sản phẩm chào thầu.
3. Bản sao “Giấy chứng nhận quản lý chất lượng”.
4. Tài liệu chứng minh kinh nghiệm của nhà sản xuất.
5. Văn bản cam kết bảo hành. Trong thời gian còn bảo hành, trường hợp sản phẩm hư hỏng do lỗi của nhà sản xuất (không phải lỗi bên sử dụng), nhà thầu chịu toàn bộ chi phí về sản phẩm mới để thay thế cho sản phẩm bị lỗi đang sử dụng, chi phí thay thế, vận chuyển để thay thế (nếu có).

II. Yêu cầu về cung cấp tài liệu kỹ thuật trước khi giao hàng:

Bên bán phải cung cấp cho Bên mua đầy đủ bản chính của các tài liệu sau:

1. Giấy chứng nhận chất lượng:

- Giấy chứng nhận chất lượng phải do chính nhà sản xuất thực hiện.
- Nhà sản xuất phải chứng nhận toàn bộ các VTTB cung cấp theo hợp đồng chưa qua sử dụng và có chất lượng đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật qui định trong hợp đồng.

2. Giấy chứng nhận bảo hành.

3. Tài liệu hướng dẫn sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng (nếu có).

III. Tiến độ xem xét và cung cấp tài liệu:

- Bên bán phải cung cấp cho bên mua giấy chứng nhận chất lượng, giấy chứng nhận bảo hành trước ngày giao hàng để người mua xem xét và có ý kiến. Thời điểm cung cấp tài liệu của bên bán và phản hồi của bên mua do bên bán và bên mua thỏa thuận cụ thể trong hợp đồng.

- Việc giao hàng chỉ được thực hiện sau khi bên mua có văn bản chấp thuận các tài liệu nêu trên.

- Nếu bất kỳ sản phẩm nào không đáp ứng các yêu cầu qui định trong hợp đồng, Người mua có quyền từ chối nhận các sản phẩm tương ứng và bên bán có trách nhiệm cung cấp sản phẩm khác đạt chất lượng để thay thế, mọi chi phí liên quan do bên bán chịu.

IV. Yêu cầu về tài liệu đi kèm theo sản phẩm khi giao hàng:

Khi giao hàng Nhà cung cấp phải đính kèm các tài liệu kỹ thuật sau kèm theo sản phẩm:

- Bản sao giấy chứng nhận chất lượng.
- Danh mục sản phẩm.

V. Thử nghiệm nghiệm thu:

- Việc lấy mẫu thử nghiệm sẽ được thực hiện trên mẫu được chọn từ lô hàng với sự chứng kiến giữa bên mua, bên bán.

- Những mẫu thử nghiệm bị hư hỏng hay biến dạng không còn giá trị sử dụng sau quá trình thử nghiệm sẽ không được tính vào số lượng giao hàng.

- Nếu kết quả thử nghiệm không đạt yêu cầu, Người mua có quyền từ chối nhận mặt hàng mà không phải chịu bất kỳ một phí tổn nào.

* Mật hàng và hạng mục thử nghiệm nghiệm thu: theo nội dung thử nghiệm nghiệm thu trong bảng tiêu chuẩn kỹ thuật.

ĐỒNG PHỤC

I. PHẠM VI SỬ DỤNG

Quy cách kỹ thuật này được áp dụng cho đồng phục nam, nữ.

II. TIÊU CHUẨN SẢN XUẤT VÀ THỬ NGHIỆM

- Theo văn bản 1369/EVNHCMC-VP ngày 27/03/2026.

III. MÔ TẢ

- Đồng phục bao gồm:

- + Áo sơ mi nam tay dài hoặc tay ngắn
- + Áo sơ mi nữ tay dài hoặc tay ngắn
- + Áo thun có logo

IV. THỬ NGHIỆM

Thử nghiệm nghiệm thu:

- Kiểm tra ngoại quan
- Kiểm tra kích thước

V. BẢNG TÓM TẮT THÔNG SỐ KỸ THUẬT

STT	MÔ TẢ	YÊU CẦU	CHÀO THẦU
1	Nhà sản xuất	Nhà thầu phát biểu	
2	Nước sản xuất	Nhà thầu phát biểu	
3	Mã hiệu	Nhà thầu phát biểu	
4	Năm sản xuất	Nhà thầu phát biểu	
5	Kinh nghiệm nhà sản xuất	Nhà thầu phát biểu	
I	Áo sơ mi nữ		
1	Loại vải: loại vải được lựa chọn bảo đảm độ bền, tính thẩm mỹ và an toàn cho người sử dụng (chi tiết các thông số về mật độ vải, độ bền màu và độ bền kéo đứt được thể hiện tại Phụ lục I đính kèm)	Đáp ứng	
2	Thiết kế mẫu áo: Mẫu thiết kế đảm bảo tính hiện đại, đồng bộ với bộ nhận diện thương hiệu kỷ niệm 50 năm thành lập (chi tiết quy cách may theo Phụ lục II đính kèm)	Đáp ứng	
3	Màu: Trắng	Đáp ứng	
4	Chất liệu vải:		
5	Kiểu dệt: vân chéo 2/1	Đáp ứng	
6	Định lượng (TCVN 5465:2009): 48% Bamboo, 50% Spun Poly, 3% Spandex ($\pm 3\%$ cho mỗi thành phần)	Đáp ứng	
7	Khối lượng vải (G/M^2) (TCVN 8042:2009): 141 ($\pm 5\%$)	Đáp ứng	

ĐỒNG PHỤC

STT	MÔ TẢ	YÊU CẦU	CHÀO THẦU
8	Độ vón gút sau 10000 vòng (TCVN 7426-1:2004): dọc: ≥ 4 , ngang: ≥ 4	Đáp ứng	
9	Độ bền màu giặt ở 40°C (TCVN 7835-C10:2007), 30 phút giặt máy ở 40°C với tỷ lệ 5G và phòng tiêu chuẩn trong 1 lít nước: Phai màu: tối thiểu đạt cấp 4; Dây màu: acetate, cotton, nylon, polyester, acrylic, wool: tối thiểu đạt cấp 4. Ghi chú: đánh giá dựa vào thước xám với 5 cấp: cấp 1 là xấu nhất và cấp 5 là tốt nhất.	Đáp ứng	
10	Mật độ vải (sợi/10cm) (TCVN 1753:2008): sợi dọc: 564 ($\pm 2\%$); sợi ngang: 368 ($\pm 2\%$)	Đáp ứng	
11	Độ nhỏ sợi tách ra từ vải (Ne) (TCVN 5095:1990): dọc: 82/2 ($\pm 5\%$); ngang: 110 ($\pm 5\%$)	Đáp ứng	
12	Độ nhỏ sợi tách ra từ vải (Ne) (TCVN 5095:1990): dọc: 82/2 ($\pm 5\%$); ngang: 110 ($\pm 5\%$).	Đáp ứng	
13	Hàm lượng Formaldehyde (PPM) (ISO 14184- 1:2011): không phát hiện (< 16 PPM)	Đáp ứng	
II	Áo sơ mi nam		
1	Loại vải: loại vải được lựa chọn bảo đảm độ bền, tính thẩm mỹ và an toàn cho người sử dụng (chi tiết các thông số về mật độ vải, độ bền màu và độ bền kéo đứt được thể hiện tại Phụ lục I đính kèm)	Đáp ứng	
2	Thiết kế mẫu áo: Mẫu thiết kế đảm bảo tính hiện đại, đồng bộ với bộ nhận diện thương hiệu kỷ niệm 50 năm thành lập (chi tiết quy cách may theo Phụ lục II đính kèm)	Đáp ứng	
3	Màu: Trắng	Đáp ứng	
4	Chất liệu vải:		
5	Kiểu dệt: vân chéo 2/2	Đáp ứng	
6	(ISO 1833:2019): 69,6% Polyester, 28,8% Rayon, 1,6% Spandex ($\pm 3\%$ cho mỗi thành phần). Ghi chú: kết quả được tính theo khối lượng độ hồi ẩm thương mại: 11% Rayon, 0,4% Polyester, 1,3% Spandex	Đáp ứng	
7	Khối lượng vải (G/M^2) (ISO 3801:1977): 164,1 ($\pm$ 5%).	Đáp ứng	
8	Độ vón gút sau 4 giờ (cấp) (ISO 12945-1:2020): $\geq$ 4. Ghi chú: cấp 5: không thay đổi; cấp 4: thay đổi nhẹ; cấp 3: khá thay đổi; cấp 2: thay đổi nhiều; cấp 1: bề mặt mẫu bị vón gút toàn bộ	Đáp ứng	

ĐỒNG PHỤC

STT	MÔ TẢ	YÊU CẦU	CHÀO THẦU
9	Độ bền màu giặt ở 40oC (cấp) (ISO 105-C06 AIS:2010), 30 phút giặt máy ở 40oC với tỷ lệ 4G xà phòng ECE (B) trong 1 lít nước và 10 viên bi: Phai màu: tối thiểu đạt cấp 4; Dây màu: acetate, cotton, nylon, polyester, acrylic, wool: tối thiểu đạt cấp 4 Ghi chú: đánh giá dựa vào thước xám với 5 cấp: cấp 1 là xấu nhất và cấp 5 là tốt nhất	Đáp ứng	
10	Mật độ vải (sợi/10cm) (ISO 7211-5:2020): sợi dọc: 600 ($\pm 2\%$); sợi ngang: 380 ($\pm 2\%$)	Đáp ứng	
11	Độ nhỏ sợi tách ra từ vải (Ne) (ISO 7211-5:2020): dọc: 84,1/2 ($\pm 5\%$); ngang 1: 78,1/2 ($\pm 5\%$); ngang 2: 35,5 ($\pm 5\%$)	Đáp ứng	
12	Độ bền màu ma sát (cấp) (ISO 105-X12:2016), sử dụng vải cotton - Dọc: khô: tối thiểu đạt cấp 4; ướt: tối thiểu đạt cấp 4; - Ngang: khô: tối thiểu đạt cấp 4; ướt: tối thiểu đạt cấp 4. Ghi chú: đánh giá dựa vào thước xám với 5 cấp: cấp 1 là xấu nhất và cấp 5 là tốt nhất	Đáp ứng	
13	Độ bền kéo đứt (N) (ISO 13934-1:2013, strip method, titan 4-universal strength tester, cre): dọc: $\geq 1089,6$; ngang: $\geq 527,3$.	Đáp ứng	
14	Hàm lượng Formaldehyde (PPM) (ISO 14184-1:2011): không phát hiện (< 16 PPM)	Đáp ứng	
III	Áo thun nam/nữ		
1	Màu sắc: xanh	Đáp ứng	
2	Chất liệu vải:		
3	Kiểu dệt: dệt kim đan ngang 1 mặt phải	Đáp ứng	
4	Định lượng (ISO 1833:2019): 58,3% Polyester, 41,7% Cotton ($\pm 3\%$ cho mỗi thành phần). Ghi chú: kết quả được tính theo khối lượng độ hồi ẩm thương mại: 8,5% Cotton, 0,4% Polyester	Đáp ứng	
5	Khối lượng vải (G/M2) (ASTM D3776/D3776M-20): 223,4 ($\pm 5\%$).	Đáp ứng	
6	Độ vón gút sau 4 giờ (cấp) (ISO 12945-1:2020): dọc: ≥ 4 , ngang: ≥ 4 . Ghi chú: cấp 5: không thay đổi; cấp 4: thay đổi nhẹ; cấp 3: khá thay đổi; cấp 2: thay đổi nhiều; cấp 1: bề mặt mẫu bị vón gút toàn bộ	Đáp ứng	

ĐỒNG PHỤC

STT	MÔ TẢ	YÊU CẦU	CHÀO THẦU
7	Độ bền màu giặt ở 40oC (cấp) (ISO 105-C06 AIS:2010), 30 phút giặt máy ở 40oC với tỷ lệ 4G xà phòng ECE (B) trong 1 lít nước và 10 viên bi: Phai màu: tối thiểu đạt cấp 4; Dây màu: acetate, cotton, nylon, polyester, acrylic, wool: tối thiểu đạt cấp 4. Ghi chú: đánh giá dựa vào thước xám với 5 cấp: cấp 1 là xấu nhất và cấp 5 là tốt nhất.	Đáp ứng	
8	Mật độ vải (sợi/10cm) (ASTMD 8007-15(2019)): hàng vòng: 430(± 2%); cột vòng: 156(± 2%).	Đáp ứng	
9	Độ nhỏ sợi tách ra từ vải (ISO 7211-5:2020): sợi 1: 36,8 (Ne) (± 5%); sợi 2: 166,3 (D) (± 5%).	Đáp ứng	
10	Độ bền màu ma sát (cấp) (ISO 105-X12:2016), sử dụng vải cotton Dọc: khô: 4-5; ướt: 3-4; Ngang: khô: 4-5; ướt: 3-4. Ghi chú: đánh giá dựa vào thước xám với 5 cấp: cấp 1 là xấu nhất và cấp 5 là tốt nhất.	Đáp ứng	
11	Độ bền kéo đứt (N) (ISO 13934-1:2013, strip method, titan 4-universal strength tester, cre): dọc: ≥ 383,9; ngang: ≥ 371,1	Đáp ứng	
12	Hàm lượng Formaldehyde (PPM) (ISO 14184-1:2011): không phát hiện (< 16 PPM)	Đáp ứng	
IV	Thiết kế mẫu áo theo phụ lục đính kèm	Đáp ứng	
V	Logo theo phụ lục đính kèm (VB 310/EVNHCMC-TT)	Đáp ứng	
VI	Qui cách may theo phụ lục đính kèm	Đáp ứng	

PHỤ LỤC

1. Về thông số kỹ thuật mẫu vải

Trên cơ sở kết quả kiểm nghiệm và xét chọn, các loại vải được lựa chọn bảo đảm độ bền, tính thẩm mỹ và an toàn cho người sử dụng, cụ thể như sau:

- Đối với áo sơ mi nữ: màu trắng; chất liệu vải dệt vân chéo 2/1; định lượng: 48% Bamboo, 50% Spun Poly, 3% Spandex; khối lượng vải 141 G/M².

- Đối với áo sơ mi nam: màu trắng; chất liệu vải dệt vân chéo 2/2; định lượng: 69,6% Polyester, 28,8% Rayon, 1,6% Spandex; khối lượng vải 164,1 G/M².

- Đối với áo thun nam/nữ: màu xanh; kiểu dệt kim đan ngang 1 mặt phải, định lượng: 58,3% Polyester, 41,7% Cotton; khối lượng vải 223,4 G/M².

(Chi tiết các thông số về mật độ vải, độ bền màu và độ bền kéo đứt được thể hiện tại *Phụ lục I* đính kèm).

2. Về thiết kế mẫu áo

Mẫu thiết kế đảm bảo tính hiện đại, đồng bộ với bộ nhận diện thương hiệu kỷ niệm 50 năm thành lập (chi tiết quy cách may theo *Phụ lục II* đính kèm), bao gồm:

2.2.1 Áo sơ mi nữ



Hình 1. Áo sơ mi nữ dài tay



Hình 2. Áo sơ mi nữ ngắn tay

2.2.2 Áo sơ mi nam



Hình 3. Áo sơ mi nam dài tay



Hình 4. Áo sơ mi nam ngắn tay

2.2.3 Áo thun nữ



Hình 5. Mặt trước



Hình 6. Mặt sau

2.2.4 Áo thun nam



Hình 7. Mặt trước



Hình 8. Mặt sau

Lưu ý: Logo sử dụng theo quy định tại văn bản số 310/EVNHCMC-TT.

Phụ lục I

THÔNG SỐ KỸ THUẬT MẪU VẢI ÁO SƠ MI NỮ, NAM, ÁO THUN NAM/NỮ

TT	Tên sản phẩm	Đặc tính kỹ thuật
1	Áo sơ mi nữ	Màu sắc: trắng Chất liệu vải: 1. Kiểu dệt: vân chéo 2/1 2. Định lượng (TCVN 5465:2009): 48% Bamboo, 50% Spun Poly, 3% Spandex ($\pm 3\%$ cho mỗi thành phần). 3. Khối lượng vải (G/M²) (TCVN 8042:2009): 141 ($\pm 5\%$). 4. Độ vón gút sau 10000 vòng (TCVN 7426-1:2004): dọc: ≥ 4, ngang: ≥ 4. 5. Độ bền màu giặt ở 40°C (TCVN 7835-C10:2007), 30 phút giặt máy ở 40°C với tỷ lệ 5G xà phòng tiêu chuẩn trong 1 lít nước: - Phai màu: tối thiểu đạt cấp 4; - Dây màu: acetate, cotton, nylon, polyester, acrylic, wool: tối thiểu đạt cấp 4. Ghi chú: đánh giá dựa vào thước xám với 5 cấp: cấp 1 là xấu nhất và cấp 5 là tốt nhất. 6. Mật độ vải (sợi/10cm) (TCVN 1753:2008): sợi dọc: 564 ($\pm 2\%$); sợi ngang: 368 ($\pm 2\%$). 7. Độ nhỏ sợi tách ra từ vải (Ne) (TCVN 5095:1990): dọc: 82/2 ($\pm 5\%$); ngang: 110 ($\pm 5\%$). 8. Hàm lượng Formaldehyde (PPM) (ISO 14184-1:2011): không phát hiện (< 16 PPM)

TT	Tên sản phẩm	Đặc tính kỹ thuật
2	Áo sơ mi nam	Màu sắc: trắng Chất liệu vải: 1. Kiểu dệt: vân chéo 2/2 2. Định lượng (ISO 1833:2019): 69,6% Polyester, 28,8% Rayon, 1,6% Spandex ($\pm 3\%$ cho mỗi thành phần). Ghi chú: kết quả được tính theo khối lượng độ hồi ẩm thương mại: 11% Rayon, 0,4% Polyester, 1,3% Spandex. 3. Khối lượng vải (G/M²) (ISO 3801:1977): 164,1 ($\pm 5\%$). 4 Độ vón gút sau 4 giờ (cấp) (ISO 12945-1:2020): ≥ 4. Ghi chú: cấp 5: không thay đổi; cấp 4: thay đổi nhẹ; cấp 3: khá thay đổi; cấp 2: thay đổi nhiều; cấp 1: bề mặt mẫu bị vón gút toàn bộ. 5. Độ bền màu giặt ở 40°C (cấp) (ISO 105-C06 AIS:2010), 30 phút giặt máy ở 40°C với tỷ lệ 4G xà phòng ECE (B) trong 1 lít nước và 10 viên bi: - Phai màu: tối thiểu đạt cấp 4; - Dây màu: acetate, cotton, nylon, polyester, acrylic, wool: tối thiểu đạt cấp 4.

TT	Tên sản phẩm	Đặc tính kỹ thuật
		Ghi chú: đánh giá dựa vào thước xám với 5 cấp: cấp 1 là xấu nhất và cấp 5 là tốt nhất. 6. Mật độ vải (sợi/10cm) (ISO 7211-5:2020): sợi dọc: 600 ($\pm 2\%$); sợi ngang: 380 ($\pm 2\%$). 7. Độ nhỏ sợi tách ra từ vải (Ne) (ISO 7211-5:2020): dọc: 84,1/2 ($\pm 5\%$); ngang 1: 78,1/2 ($\pm 5\%$); ngang 2: 35,5 ($\pm 5\%$). 8. Độ bền màu ma sát (cấp) (ISO 105-X12:2016), sử dụng vải cotton - Dọc: khô: tối thiểu đạt cấp 4; ướt: tối thiểu đạt cấp 4; - Ngang: khô: tối thiểu đạt cấp 4; ướt: tối thiểu đạt cấp 4. Ghi chú: đánh giá dựa vào thước xám với 5 cấp: cấp 1 là xấu nhất và cấp 5 là tốt nhất. 9. Độ bền kéo đứt (N) (ISO 13934-1:2013, strip method, titan 4-universal strength tester, cre): dọc: $\geq 1089,6$; ngang: $\geq 527,3$. 10. Hàm lượng Formaldehyde (PPM) (ISO 14184-1:2011): không phát hiện (< 16 PPM)

TT	Tên sản phẩm	Đặc tính kỹ thuật
3	Áo thun nam/nữ	Màu sắc: xanh Chất liệu vải: 1. Kiểu dệt: dệt kim đan ngang 1 mặt phải 2. Định lượng (ISO 1833:2019): 58,3% Polyester, 41,7% Cotton ($\pm 3\%$ cho mỗi thành phần). Ghi chú: kết quả được tính theo khối lượng độ hồi ẩm thương mại: 8,5% Cotton, 0,4% Polyester. 3. Khối lượng vải (G/M²) (ASTM D3776/D3776M-20): 223,4 ($\pm 5\%$). 4. Độ vón gút sau 4 giờ (cấp) (ISO 12945-1:2020): dọc: ≥ 4, ngang: ≥ 4. Ghi chú: cấp 5: không thay đổi; cấp 4: thay đổi nhẹ; cấp 3: khá thay đổi; cấp 2: thay đổi nhiều; cấp 1: bề mặt mẫu bị vón gút toàn bộ. 5. Độ bền màu giặt ở 40°C (cấp) (ISO 105-C06 AIS:2010), 30 phút giặt máy ở 40°C với tỷ lệ 4G xả phòng ECE (B) trong 1 lít nước và 10 viên bi: - Phai màu: tối thiểu đạt cấp 4; - Dây màu: acetate, cotton, nylon, polyester, acrylic, wool: tối thiểu đạt cấp 4. Ghi chú: đánh giá dựa vào thước xám với 5 cấp: cấp 1 là xấu nhất và cấp 5 là tốt nhất. 6. Mật độ vải (sợi/10cm) (ASTMD 8007-15(2019)): hàng vòng: 430 ($\pm 2\%$); cột vòng: 156 ($\pm 2\%$). 7. Độ nhỏ sợi tách ra từ vải (ISO 7211-5:2020): sợi 1: 36,8 (Ne) ($\pm 5\%$); sợi 2: 166,3 (D) ($\pm 5\%$). 8. Độ bền màu ma sát (cấp) (ISO 105-X12:2016), sử dụng vải cotton + Dọc: khô: 4-5; ướt: 3-4; + Ngang: khô: 4-5; ướt: 3-4. Ghi chú: đánh giá dựa vào thước xám với 5 cấp: cấp 1 là xấu nhất và cấp 5 là tốt nhất.

TT	Tên sản phẩm	Đặc tính kỹ thuật
		9. Độ bền kéo đứt (N) (ISO 13934-1:2013, strip method, titan 4-universal strength tester, cre): đọc: $\geq 383,9$; ngang: $\geq 371,1$. 10. Hàm lượng Formaldehyde (PPM) (ISO 14184-1:2011): không phát hiện (< 16 PPM)

Phụ lục II

QUY CÁCH MAY ÁO SƠ MI VÀ ÁO THUN

1. Quy cách may áo sơ mi nữ

Quy cách chung:

- Thiết kế phù hợp với người mặc.
- Áo sơ mi nữ tay dài/ngắn. Lai bầu.
- Có chít 02 ben ở thân trước và 2 ben ngực. Thân sau có chít 2 ben.
- Có thêu logo 50 năm trên ngực trái.
- Pence cho lại mũi, lại 3 mũi. Lại mũi không để bị đồng tiền, rồi chỉ hoặc nhẵn ở đầu ben. Tất cả ben cắt chỉ chừa 1 cm cách đầu ben thành phẩm.
- Mật độ mũi chỉ phải tuyệt đối đồng bộ trên sản phẩm, cổ không được đá, nếp khuy nút không được so le.
- Khuy không xơ, lai áo cuộn theo độ cong.
- Vệ sinh sạch sẽ.

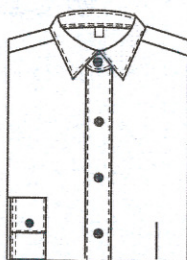
Cự ly các đường may:

- Mật độ mũi chỉ may: 6 mũi/1cm.
- Mật độ chỉ đính: 15 mũi.

Quy cách thừa khuy – đính nút:

- Thừa khuy xương cá, phù hợp với nút thực tế.
- Đính nút chéo quần chân (trừ nút chân cổ, bản cổ, trụ tay, dự trữ).

Quy cách gấp – ủi:



2. Quy cách may áo sơ mi nam

Quy cách may chung:

- Thiết kế phù hợp với người mặc.
- Áo sơ mi tay dài/ngắn, nẹp khuy leve rời. Thân sau xếp pli 2 bên.
- Túi ngực đáy nhọn cài viết, điều miệng túi thẳng có thêu logo 50 năm trên ngực trái, phía trên miệng túi.
- Cổ khuy cổ chìm, tai thả lót lá cổ có điều trang trí tam giác.
- Chân cổ tròn, chân lá hai mí 2 đường $0.1 + 0.5\text{cm}$, chân xéo 45 độ.
- Ms vạt góc, điều và bọc sau (to bản 6.5cm).
- Các đường may không được nhăn rút, ủi không được cán bóng, vệ sinh sạch sẽ.

Cự ly các đường may:

- Mật độ mũi chỉ may: 6 mũi/1cm.
- Mật độ chỉ đính: 15 mũi.

Quy cách thừa khuy – đính nút:

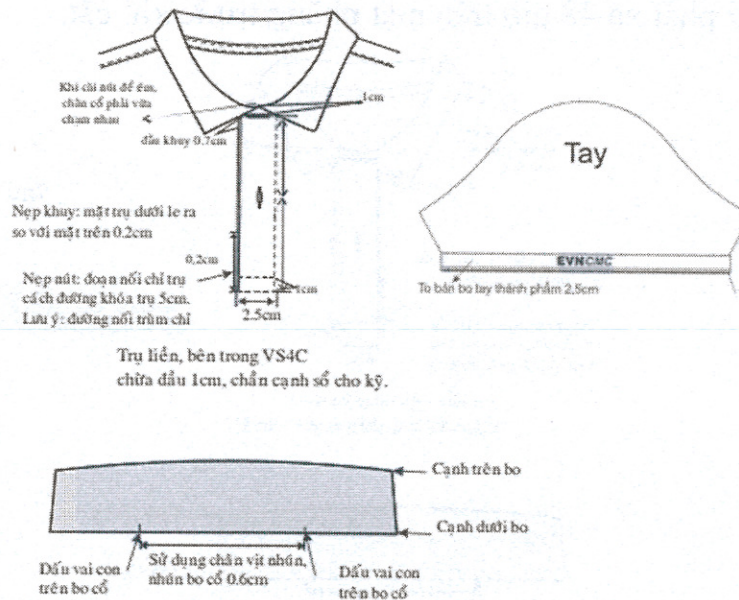
- Thừa khuy xương cá, phù hợp với nút thực tế.
- Đính nút chéo quần chân (trừ nút chân cổ, bản cổ, trụ tay, dự trữ).

Quy cách gấp ủi:



3. Quy cách may áo thun nữ

- Thiết kế phù hợp với người mặc.
- Kiểu áo: Bo cổ trắng bo tay trắng có dệt logo EVNHCMC theo mẫu đã duyệt. Logo: chữ (cao 1 cm x ngang 6.5 cm). Logo hình tròn đường kính 4 cm.
- Áo thun nữ tay ngắn cửa tay có bo, xẻ trụ nếp, xẻ tà lai, cổ áo sử dụng bo
- Vai con có sử dụng dây tăng cường.
- Thân trước ngực trái in logo 50 năm
- Sử dụng kim may và vắt sổ + kansai số 9 đầu tròn (kim Nhật) tránh tình trạng bết vải và lỗ kim.
- Viền chân bo cổ yêu cầu gọt sạch, không được le mí, chỗ dày chỗ mỏng, to bản dây 1 cm.
- Đính nút cam thẳng theo chiều nếp, hở chân 0.2 cm, logo hướng lên.
- Lưu ý: tất cả các chi tiết không được xéo canh sợi.
- Vải phải xả 48 giờ trên mặt phẳng trước khi cắt.

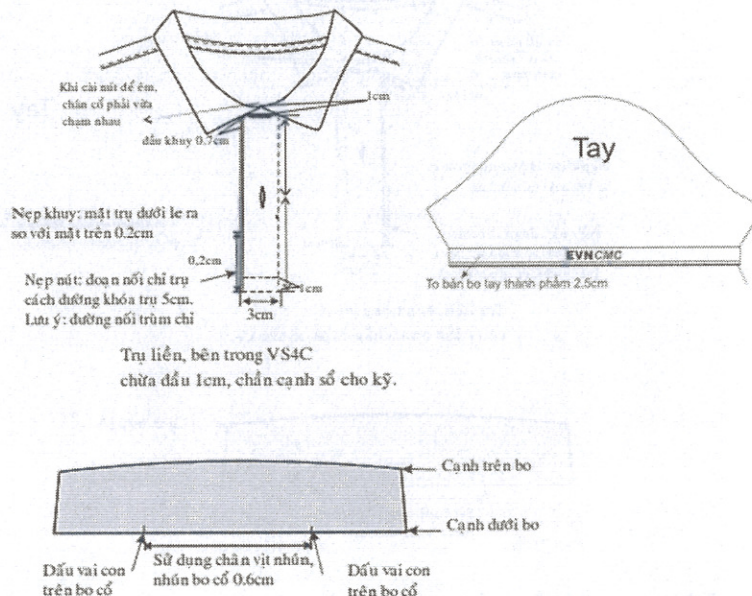


Thùa khuy – đính nút – đính bọ

	Quy cách	Vị trí
Thùa khuy	- Khuy thường, phù hợp với nút thực tế - Khuy 1 thừa nằm ngang, khuy 2, 3 thừa nằm dọc	- Trụ (2,5)
Đính nút	- Đính nút canh thẳng theo cạnh nếp hở chân 0,3 cm có quần chân nút chữ hướng lên	- Nút 18L: Trụ (2,5)
Đính bọ 1,5 cm	- Bọ nằm ngang	- Xẻ tà lai (1)(1)

4. Quy cách may áo thun nam

- Thiết kế phù hợp với người mặc.
- Kiểu áo: Bo cổ trắng bo tay trắng có dệt logo EVNHCMC theo mẫu đã duyệt. Logo: chữ (cao 1 cm x ngang 6.5 cm). Logo hình tròn đường kính 4 cm.
- Áo thun nam tay ngắn cửa tay có bo, xẻ trụ nếp, xẻ tà lai, cổ áo sử dụng bo.
- Vải con có sử dụng dây tăng cường.
- Thân trước ngực trái in logo 50 năm.
- Sử dụng kim may và vắt sổ + kansai số 9 đầu tròn (kim Nhật) tránh tình trạng bể vải và lỗ kim.
- Viền chân bo cổ yêu cầu gọt sạch, không được le mí, chỗ dày chỗ mỏng, to bản dây 1 cm.
- Đính nút cam thẳng theo chiều nếp, hồ chân 0.2 cm sử dụng máy có suốt, logo hướng lên.
- Lưu ý: tất cả các chi tiết không được xéo canh sợi.
- Vải phải xả 48 giờ trên mặt phẳng trước khi cắt.



Thùa khuy – đính nút – đính bo

	Quy cách	Vị trí
Thùa khuy	- Khuy thường, phù hợp với nút thực tế - Khuy 1 thừa nằm ngang, khuy 2, 3 thừa nằm dọc	- Trụ (3)
Đính nút	- Đính nút canh thẳng theo cạnh nếp hồ chân 0,3 cm có quần chân nút chữ hướng lên	- Nút 18L: Trụ (3)
Đính bo 1,5 cm	- Bo nằm ngang	- Xẻ tà lai (1)(1)

Thiết kế đồng phục - Áo Sơ Mi Nam

KỶ NIỆM 50 NĂM - TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

5CM X 5CM



Thêu cụm logo
phía trên &
giữa tim túi

Thêu EVNHCMC
trên măng-set - màu chỉ trắng



Thiết kế đồng phục - Áo Sơ Mi Nữ
KỶ NIỆM 50 NĂM - TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

5CM X 5CM



Thêu cụm logo
trên ngực áo

Chít pen



Thêu EVNHCMC
trên măng-set - màu chỉ trắng

Thiết kế đồng phục - Áo Sơ Mi Nữ
KỶ NIỆM 50 NĂM - TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

5CM X 5CM



Thêu cụm logo
trên ngực áo



Thêu EVNHCMC
phía trên tay lơ-vê
màu trắng



Chít pen

Thiết kế đồng phục - Áo Sơ Mi Nam

KỶ NIỆM 50 NĂM - TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

5CM X 5CM



Thêu cụm logo
phía trên &
giữa tim túi



Thêu EVNHCMC
phía trên tay lơ-vê
màu trắng





